TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **223** /2019/ DS-ST
Ngày: 08 - 11 - 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**
2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **VÕ NGỌC H**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Khu 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: ông **LÊ HOÀNG B**, sinh năm 1964
Địa chỉ: số 362B, tổ 18, khu A, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **ĐINH THANH V**, sinh năm 1971
Bà **TRƯƠNG THỊ XUÂN L,** sinh năm 1969.
Cùng địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Võ Ngọc H tại đơn khởi kiện, người đại diện ủy quyền tại biên bản hòa giải trình bày:

Chị với ông V, bà L là chổ quen biết, vợ chồng ông V, bà L cần tiền nên có vay của chị nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/02/2019 vay 100.000.000đồng, không xác định thời hạn vay, lãi suất 2%/ tháng. Ông V, bà L đóng lãi được 02 tháng.

Lần 2: Ngày 20/02/2019 vay 260.000.000đồng, lãi suất 2%/ tháng. Ngày 21/02/2018 Ông V, bà L trả được 250.000.000đồng, hiện còn nợ lại 10.000.000đồng.

Lần 3: Ngày 04/3/2019 vay 560.000.000đồng, không xác định thời hạn vay, lãi suất 2%/ tháng. Ngày 07/3/2019 Ông V, bà L trả được 545.000.000đồng, còn nợ 15.000.000đồng.

Lần 4: Ngày 07/5/2019 vay 171.000.000đồng, thời hạn vay đến ngày 15/5/2019, lãi suất 2%/ tháng. Ông V, bà L chưa trả lãi và vốn.

Tất cả các lần vay tiền đều có làm biên nhận, nội dung biên nhận, số tiền vay do ông V ghi và vợ chồng ký tên, còn chị H chỉ ghi tên mình, số tiền trả và ký tên vào biên nhận. Về lãi suất chỉ thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận.

Tổng cộng ông V, bà L còn nợ chị H 296.000.000đồng và tính lãi từ ngày 18/4/2019 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông V và bà L phải trả cho chị Hơn 296.000.000đồng. Yêu cầu tính lãi số tiền 100.000.000đồng vay ngày 18/02/2019 tính từ ngày 18/4/2019 đến ngày xét xử. Đối với số tiền vay còn nợ 10.000.000đ của biên nhận ngày 20/02/2019, 15.000.000đ của biên nhận ngày 04/3/2019 và 171.000.000đ của biên nhận ngày 07/5/2019 yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2019 cho đến ngày xét xử. Mức lãi suất yêu cầu là 10%/ năm.

- *Bị đơn ông Đinh Thanh V, bà Trương Thị Xuân L trình bày:* Ông bà có mượn chị H 100.000.000đồng lãi suất 15%/ tháng. Vì hoàn cảnh khó khăn nên thỏa thuận đến ngày 07/5/2019 tổng vốn lãi lên 171.000.000đồng, còn số nợ 296.000.000đồng là không đúng sự thật. Số tiền 171.000.000đồng ông bà xin trả dần và không tính lãi tiếp.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Đinh Thanh V và cũng là đại diện ủy quyền của đồng bị đơn bà Trương Thị Xuân L thừa nhận 04 biên nhận mà nguyên đơn khởi kiện là do ông viết, vợ chồng ông cùng ký tên, chị H chỉ ghi tên chị, số tiền vợ chồng ông trả vào biên nhận và ký tên. Đối với biên nhận ngày 18/02/2019 nợ 100.000.000đồng, biên nhận ngày 20/02/2019 còn nợ 10.000.000đồng, biên nhận 04/3/2019 nợ 15.000.000đồng do không có tiền trả nên chị H tính lãi, vốn và yêu cầu ông viết biên nhận 171.000.000đồng**.** Ông xác định vợ chồng ông chỉ nợ chị H 171.000.000đồng nhưng hiện nay kinh tế đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng và xin được ngưng tính lãi.

Tại phiên tòa, ông V, bà L thừa nhận các biên nhận mà nguyên đơn khởi kiện do ông V viết, vợ chồng ông bà cùng ký tên, chị H chỉ ghi họ tên mình, số tiền trả và ký tên mình vào biên nhận. Do còn nợ chị H 100.000.000đồng theo

biên nhận ngày 18/02/2019 chưa trả, cộng với số tiền còn thiếu của biên nhận ngày 20/02/2019 là 10.000.000đ, biên nhận nợ ngày 04/3/2019 còn thiếu 15.000.000đ cộng với tiền lãi 15%/tháng đến ngày 07/5/2019 vì vợ chồng ông bà không có khả năng trả nợ nên chị H đã buộc vợ chồng ông bà làm biên nhận 171.000.000đồng. Vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả chị Hơn 171.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.500.000đ và trả lãi theo lãi suất ngân hàng nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông V và bà L phải trả cho chị Hơn 296.000.000đồng. Yêu cầu tính lãi số tiền 100.000.000đồng vay ngày 18/02/2019 tính từ ngày 18/4/2019 đến ngày xét xử. Đối với số tiền vay còn nợ 10.000.000đ của biên nhận ngày 20/02/2019, 15.000.000đ của biên nhận ngày 04/3/2019 và 171.000.000đ của biên nhận ngày 07/5/2019 yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2019 cho đến ngày xét xử. Mức lãi suất yêu cầu là 10%/ năm. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp pháp luật nên đươc ghi nhận theo qui định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền chị H yêu cầu ông V, bà L trả tổng số tiền còn nợ là 296.000.000đồng cho các lần vay tiền trên các biên nhận ngày 18/02/2019, ngày 20/02/2019, ngày 04/3/2019, ngày 07/5/2019. Ông V, bà L thừa nhận các biên nhận mà chị H làm căn cứ khởi kiện do ông V viết, ông và bà L cùng ký tên. Tuy nhiên số tiền ông bà nợ chỉ là 171.000.000đồng. Xét thấy việc ông V, bà L thừa nhận các biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2019, ngày 20/02/2019, ngày 04/3/2019, ngày 07/5/2019 do bị đơn ông Đinh Thanh V viết và vợ chồng ông cùng ký tên, bà H chỉ có ghi thêm số tiền trả, tên của mình và ký tên vào biên nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông V, bà L cho rằng chị H đã tính tiền vốn, lãi của các khoản vay chưa trả và yêu cầu ông V viết biên nhận 171.000.000đồng nên vợ chồng ông chỉ đồng ý trả chị H 171.000.000đồng mà thôi. Tuy nhiên cả ông V, bà L đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, phía chị H cũng không thừa nhận. Nếu có việc cộng gộp tiền như ông V, bà L trình bày thì ông V phải ghi rõ trong biên nhận 171.000.000đồng ngày 07/5/2019 và yêu cầu hủy các biên nhận lập trước đó nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời trình bày của ông bà. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông V, bà L trả cho chị H 296.000.000đồng tiền vay là có cơ sở.

[3] Đối yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu ông V, bà L trả lãi cho số tiền 100.000.000đồng vay ngày 18/02/2019 tính từ ngày 18/4/2019 đến ngày xét xử. Đối với số tiền vay còn nợ 10.000.000đồng

của biên nhận ngày 20/02/2019, 15.000.000đồng của biên nhận ngày 04/3/2019 và 171.000.000đồng của biên nhận ngày 07/5/2019 thì yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2019 cho đến ngày xét xử. Mức lãi suất yêu cầu là 10%/ năm. Đối với ông V, bà L chỉ đồng ý trả lãi số tiền vay 171.000.000đồng theo lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa phía chị H trình bày cho vay với lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/ tháng, còn bị đơn thì cho rằng lãi suất cho vay là 15%/ tháng. Tuy nhiên các biên nhận mượn tiền đều không thể hiện lãi suất cho vay cũng không có chứng cứ gì về số tiền lãi đã nhận. Do đó việc nguyên đơn tại phiên tòa yêu cầu tính mức lãi suất 10%/năm bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp. Tuy nhiên do các khoản tiền vay này được các bên ký kết giao dịch ở các khoảng thời gian khác nhau, hình thức vay khác nhau chỉ có biên nhận nợ ngày 07/5/2019 có xác định thời hạn trả còn các biên nhận còn lại đều không thỏa thuận thời hạn trả, chị H cũng không chứng minh được mình có báo cho ông V, bà L thời gian hợp lý trả nợ để xác định thời gian vi phạm nghĩa vụ để tính lãi chậm trả nên việc chị H yêu cầu tính lãi từ ngày 18/4/2019 đối với số tiền vay ngày 18/02/2019, số tiền 196.000.000đồng của 03 biên nhận nợ còn lại tính lãi từ ngày 07/5/2019 là chưa phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử xem xét đối với các biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2019, ngày 20/02/2019, ngày 04/3/2019 do không có thời hạn nên lãi chậm trả tính từ ngày 14/8/2019(ngày chị H nộp đơn khởi kiện ông V, bà L), còn biên nhận ngày 07/5/2019 có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/5/2019 nên việc tính lãi chậm trả được tính từ ngày 15/5/2019.

* Lãi suất cụ thể ông V, bà L phải trả được tính như sau:

- Biên nhận 18/02/2019, số ngày chậm trả tính từ ngày 14/8/2019 đến ngày xét xử là 87 ngày. Số tiền lãi phải trả là: (100.000.000đồng x 10% x 87 ngày) /365 ngày = 2.383.561 đồng.

- Biên nhận ngày 20/02/2019, số ngày chậm trả tính từ ngày 14/8/2019 đến ngày xét xử là 87 ngày. Số tiền lãi phải trả là: (10.000.000đ x 10% x 87 ngày)/365 ngày = 238.356 đồng.

- Biên nhận ngày 04/3/2019, số ngày chậm trả tính từ ngày 14/8/2019 đến ngày xét xử là 87 ngày. Số tiền lãi phải trả là: (15.000.000đ x 10% x 87 ngày)/365 ngày = 357.534 đồng.

- Biên nhận ngày 07/5/2019 số ngày chậm trả tính từ ngày 15/5/2019 đến ngày xét xử là 178 ngày. Số tiền lãi phải trả là: (171.000.000đ x 10% x 178 ngày)/365 ngày = 8.339.178 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi ông V, bà L phải trả cho chị Hơn là 11.318.629 đồng.

* Lãi suất chị H yêu cầu ông V, bà L trả không được xem xét chấp nhận cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 100.000.000đồng của biên nhận ngày 18/02/2019 yêu cầu tính lãi từ ngày 18/4/2019. Tính từ ngày 18/4/2019 đến 13/8/2019 là 118

ngày. Số tiền lãi không được chấp nhận là: (100.000.000đồng x 10% x 118 ngày) /365 ngày = 3.232.877 đồng.

- Đối với số tiền 10.000.000đồng của biên nhận ngày 20/02/2019 yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2019. Tính từ ngày 07/5/2019 đến ngày 13/8/2019 là 99 ngày. Số tiền lãi không được chấp nhận là: (10.000.000đồng x 10% x 99 ngày) /365 ngày = 271.233 đồng.

- Đối với số tiền 15.000.000đồng của biên nhận ngày 04/3/2019 yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2019. Tính từ ngày 07/5/2019 đến ngày 13/8/2019 là 99 ngày. Số tiền lãi không được chấp nhận là: (15.000.000đồng x 10% x 99 ngày) /365 ngày = 406.849 đồng.

- Đối với số tiền 171.000.000đồng của biên nhận ngày 07/5/2019 yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2019. Tính từ ngày 07/5/2019 đến ngày 14/5/2019 là 08 ngày. Số tiền lãi không được chấp nhận là: (171.000.000đồng x 10% x 08 ngày) /365 ngày = 374.794 đồng.

Tổng số tiền lãi chị H yêu cầu không được chấp nhận là 4.285.753 đồng.

[4] Về án phí: Ông V và bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận; chị H phải chịu án phí đối với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc Hơn.

- Buộc ông Đinh Thanh V và bà Trương Thị Xuân La phải trả cho chị Võ Ngọc H số tiền 296.000.000đồng tiền vốn và 11.318.629 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 307.318.629 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu ông V, bà L trả thêm số tiền lãi là 4.285.753 đồng

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông V và bà L chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Ông Đinh Thanh V và bà Trương Thị Xuân L phải chịu. 15.366.000đồng(tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm

Chị Võ Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 7.893.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002351 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên được hoàn lại 7.593.000đồng.

- Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH